BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/*SUMMARY OF TEST RESULTS*

CÔNG TRÌNH/*PROJECT* : SUGARCANE - THẢO ĐIỀN

| STT No. | Ký hiệu hố Khoan *Borehole Number* | Ký hiệu mẫu *Sample Name* | Độ sâu lấy mẫu (m) *Depth of Sample* | Thành phần hạt Particle Size Distribution (%) | | | | | | Độ ẩm tự nhiên, W *Natural Moisture Content* % | Độ ẩm giới hạn dẻo *Plastic limit, Wp* % | Độ ẩm giới hạn chảy *Liquid limit, WL* % | Chỉ số dẻo *Plastic Index* | Độ sệt *Water Plast Ratio* B | KLTT ư/ nhiên *Wet Unit Weight* g/cm³ | KLTT khô *Dry Unit Weight* g/cm³ | Khối lượng riêng *Specific Gravity* g/cm³ | Độ lỗ rỗng *Porosity* (%) | Hệ số rỗng *Void Ratios* - | Sức chống cắt phẳng *Direct Shearing Strength* | | | | Tính nén lún *Compressibility* | | | | | |